| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TC**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 29/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 23-4-2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lò Mai Xiêng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lý Thị Vinh

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng- Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị N**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Bản Nà Cài, xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

( Có mặt tại phiên tòa).

**2. Bị đơn: Anh Tòng Văn D**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản Nà Cài, xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

( Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:**

*Về hôn nhân:* Chị Hà Thị N và anh Tòng Văn D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Chị Hà Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Tòng Văn D.

*Về con chung:* Chị Hà Thị N và anh Tòng Văn D có 02 (hai) con chung là cháu Tòng Nhật Nam Nguyên, sinh ngày 26/4/2008 và cháu Tòng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/8/2016.

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai: Chị Hà Thị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Tòng Nhật Nam Nguyên và cháu Tòng Quỳnh Chi.

Tại phiên tòa: Chị Hà Thị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tòng Quỳnh Chi; giao cháu Tòng Nhật Nam Nguyên cho anh Tòng Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Hà Thị N không cấp dưỡng muôi con chung và không yêu cầu anh Tòng Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không có.

*Về tài sản riêng:* Không có.

*Về nợ chung:* Chị Hà Thị N cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 29/3/2024, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị Doan đã giao nộp, chị Doan không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 28/3/2024 tại bản Nà Cài, xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Hà Thị N và anh Tòng Văn D có hộ khẩu thường trú tại bản Nà Cài, xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La, có đăng ký kết với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Chị Hà Thị N và anh Tòng Văn D có 02 (hai) con chung cháu Tòng Nhật Nam Nguyên, sinh ngày 26/4/2008 và cháu Tòng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/8/2016. Hiện tại cháu Tòng Nhật Nam Nguyên và cháu Tòng Quỳnh Chi đang sống chung với chị Hà Thị N anh Tòng Văn D. Chị Hà Thị N, anh Tòng Văn D buôn bán tự do, có thu nhập. Anh Din, chị Ngọc có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Tòng Quỳnh Chi có nguyện vọng là ở với mẹ. Cháu Tòng Nhật Nam Nguyên có nguyện vọng là ở với bố.

Bị đơn anh Tòng Văn D đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện TC. Anh Tòng Văn D không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa xét xử.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Tòng Văn D.

*Về con chung:* Giao cháu Tòng Nhật Nam Nguyên, sinh ngày 26/4/2008 cho anh Tòng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Tòng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Hà Thị N, anh Tòng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không có.

*Về tài sản riêng:* Không có.

*Về nợ chung:* Chị Hà Thị N, anh Tòng Văn D không có nợ chung.

*Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Hà Thị N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Hà Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Tòng Văn D có địa chỉ tại bản Nà Cài, xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Tòng Văn D: Bị đơn anh Tòng Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*[2] Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị N và anh Tòng Văn D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Hà Thị N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Tòng Văn D.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngọc và anh Din trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Tòng Văn D. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[3] Về con chung:* Chị Hà Thị N và anh Tòng Văn D có 02 (hai) con chung là cháu Tòng Nhật Nam Nguyên, sinh ngày 26/4/2008 và cháu Tòng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/8/2016. Hiện tại cháu Tòng Nhật Nam Nguyên và cháu Tòng Quỳnh Chi đang sống chung với chị Hà Thị N và anh Tòng Văn D.

Tại phiên tòa: Chị Hà Thị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tòng Quỳnh Chi; giao cháu Tòng Nhật Nam Nguyên cho anh Tòng Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Hà Thị N không cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu anh Tòng Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ngọc, anh Din đều có nơi cư trú ổn định, có thu nhập. Chị Ngọc, anh Din đều có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Hiện tại cháu Tòng Nhật Nam Nguyên và cháu Tòng Quỳnh Chi đang sống chung với chị Hà Thị N và anh Tòng Văn D.

Ý kiến cháu Tòng Quỳnh Chi có nguyện vọng là ở với mẹ. Cháu Tòng Nhật Nam Nguyên có nguyện vọng là ở với bố.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền, lợi ích của con, cần giao cháu Tòng Nhật Nam Nguyên, sinh ngày 26/4/2008 cho anh Tòng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Tòng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Hà Thị N, anh Tòng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

*[4] Về tài sản chung*: Không có.

*[5] Về tài sản riêng*: Không có.

*[6] Về nợ chung*: Chị Hà Thị N, anh Tòng Văn D không có nợ chung.

*[7] Về án phí:* Chị Hà Thị N tại phiên tòa xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Hà Thị N là người dân tộc thiểu số sống ở bản có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Hà Thị N.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Tòng Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Tòng Nhật Nam Nguyên, sinh ngày 26/4/2008 cho anh Tòng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3**.** Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị N, anh Tòng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Hà Thị N và anh Tòng Văn D không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Hà Thị N. Hoàn trả lại chị Hà Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000959, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Tòng Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CL, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lò Mai Xiêng**